

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN HẢI ÂU

Địa chỉ: Số 40 Đường số 1, Khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

| | Trang |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 1 – 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 – 4 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Bảng cân đối kế toán | 5 – 6 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 8 |
| Bản thuyết minh báo cáo tài chính | 9 – 22 |

6176
CÔNG
TNHI
TOÁN
VIỆT
T.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: Số 40, Đường số 1, Khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|----------------------|----------------|
| Bà Phạm Thị Anh Thư | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Hữu Hoàn | Phó chủ tịch |
| Ông Đặng Hồng Trường | Thành viên |
| Ông Trần Ngọc Sơn | Thành viên |
| Ông Nguyễn Đức Mạnh | Thành viên |

Danh sách các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|-----------------------|----------------|
| Ông Nguyễn Minh Lộc | Trưởng ban |
| Bà Nguyễn Phương Liên | Thành viên |
| Ông Lê Thanh Phúc | Thành viên |

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> | |
|-------------------------|----------------|------------------------------|
| Ông Đặng Hồng Trường | Giám đốc | (Bổ nhiệm ngày 01/06/2021) |
| Ông Nguyễn Hữu Hoàn | Giám đốc | (Miễn nhiệm ngày 01/06/2021) |
| Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh | Phó Giám đốc | (Bổ nhiệm ngày 02/07/2021) |

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: Số 40, Đường số 1, Khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

CAM KẾT CỦA CÁC CHỦ SỞ HỮU

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 3.631.878.973 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc hoạt động kinh doanh có lãi và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư trong tương lai. Vào ngày lập báo cáo này không có lý do nào để Ban Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ để Công ty có thể hoạt động liên tục trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính đính kèm vẫn được soạn thảo trên cơ sở giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đặng Hồng Trường

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2022

Số: 177/2022/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 03 năm 2022 từ trang 05 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến mục 2.5 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính về việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 3.631.878.973 VND. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ý kiến của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Lý Trung Thành

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2822-2020-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2022

Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: Số 40, Đường số 1, Khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | TM | Tại ngày 31/12/2021 | Tại ngày 01/01/2021 |
|--|------------|-----|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 13.087.215.023 | 2.275.549.261 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 5.927.014.135 | 599.556.955 |
| 1. Tiền | 111 | 4.1 | 5.927.014.135 | 599.556.955 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 5.664.348.325 | 656.490.373 |
| 1. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 4.2 | 5.398.519.952 | 178.581.641 |
| 2. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 4.3 | 265.828.373 | 477.908.732 |
| III. Hàng tồn kho | 140 | | 181.639.517 | 269.201.162 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 4.4 | 181.639.517 | 269.201.162 |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.314.213.046 | 750.300.771 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 4.7 | 540.798.316 | 389.858.750 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 773.414.730 | 360.442.021 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 14.063.275.383 | 23.926.535.183 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 5.000.000 | 5.000.000 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | | 5.000.000 | 5.000.000 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 11.901.678.374 | 19.037.555.586 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 4.5 | 1.901.678.374 | 9.037.555.586 |
| Nguyên giá | 222 | | 179.551.553.549 | 179.592.380.443 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (177.649.875.175) | (170.554.824.857) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 4.6 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Nguyên giá | 228 | | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| III. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 2.156.597.009 | 4.883.979.597 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 4.7 | 2.156.597.009 | 4.883.979.597 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 27.150.490.406 | 26.202.084.444 |

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: Số 40, Đường số 1, Khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | TM | Tại ngày 31/12/2021 | Tại ngày 01/01/2021 |
|--|------------|------|-----------------------|-----------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 16.723.093.996 | 19.880.704.660 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 16.719.093.996 | 19.876.704.660 |
| 1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 4.8 | 205.132.240 | 284.469.181 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | - | 967.896.263 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | | 18.697.552 | 2.923.449 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | 4.9 | 393.000.000 | 85.137.000 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 4.10 | 15.134.095.543 | 17.473.934.599 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 4.11 | 960.528.611 | 1.054.704.118 |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 7.640.050 | 7.640.050 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 4.000.000 | 4.000.000 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | | 4.000.000 | 4.000.000 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 10.427.396.410 | 6.321.379.784 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 4.12 | 10.427.396.410 | 6.321.379.784 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| 2. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (188.100.000) | (188.100.000) |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (39.384.503.590) | (43.490.520.216) |
| LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước | 421a | | (43.490.520.216) | (42.952.680.133) |
| LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 4.106.016.626 | (537.840.083) |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 27.150.490.406 | 26.202.084.444 |



Đặng Hồng Trường
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2022

Người lập

Lê Thanh Hà
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: Số 40, Đường số 1, Khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | TM | Năm 2021 | Năm 2020 |
|--|-------|--------|----------------|----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 5.1 | 29.267.413.076 | 26.498.539.381 |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 29.267.413.076 | 26.498.539.381 |
| 3. Giá vốn hàng bán | 11 | 5.2 | 22.527.937.256 | 24.339.151.536 |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 6.739.475.820 | 2.159.387.845 |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 5.3 | 72.448.372 | 62.020.428 |
| 6. Chi phí tài chính | 22 | 5.4 | 40.537.348 | 605.732.019 |
| Trong đó, chi phí lãi vay | 23 | | - | 590.290.396 |
| 7. Chi phí bán hàng | 25 | 5.5 | 365.569.923 | 330.636.511 |
| 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 5.6 | 2.299.800.295 | 1.822.879.826 |
| 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 4.106.016.626 | (537.840.083) |
| 10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 4.106.016.626 | (537.840.083) |
| 11. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 4.106.016.626 | (537.840.083) |
| 12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 4.12.4 | 824 | (108) |
| 13. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | 4.12.4 | 824 | (108) |



TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2022

Người lập

Lê Thanh Hà
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: Số 40, Đường số 1, Khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | TM | Năm 2021 | Năm 2020 |
|--|-------|------|-----------------|------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 4.106.016.626 | (537.840.083) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 5.7 | 7.135.877.212 | 8.955.668.940 |
| Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | (13.766.403) | 8.453.643 |
| Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (56.346) | (79.431) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | - | 590.290.396 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 11.228.071.089 | 9.016.493.465 |
| Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (5.420.830.661) | 1.525.956.116 |
| Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 87.561.645 | 20.616.188 |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | (127.610.664) | (1.929.873.728) |
| Tăng giảm chi phí trả trước | 12 | | 2.576.443.022 | 3.040.805.588 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | 4.10 | (3.030.000.000) | (286.368.138) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 5.313.634.431 | 11.387.629.491 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 1. Tiền thu, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 56.346 | 79.431 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 56.346 | 79.431 |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | | - | 2.533.505.000 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | - | (16.152.505.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | - | (13.619.000.000) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40) | 50 | | 5.313.690.777 | (2.231.291.078) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 599.556.955 | 2.830.394.014 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 13.766.403 | 454.019 |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61) | 70 | 4.1 | 5.927.014.135 | 599.556.955 |



Phê duyệt

Đặng Hồng Trường
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2022

Người lập

Lê Thanh Hà
Kế toán trưởng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000083 ngày 01 tháng 06 năm 2000 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 06 năm 2021 để thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 50.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

| Cổ đông | Quốc gia/ Quốc tịch | Tại ngày 31/12/2021 | | Tại ngày 01/01/2021 | |
|---|------------------------|-----------------------|--------------|-----------------------|--------------|
| | | Giá trị (VND) | Tỷ lệ (%) | Giá trị (VND) | Tỷ lệ (%) |
| Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam – CTCP | Việt Nam | 13.230.000.000 | 26.46 | 13.230.000.000 | 26.46 |
| Tổng công ty Bảo Việt Nhân Thọ | Việt Nam | 4.410.000.000 | 8.82 | 4.410.000.000 | 8.82 |
| Công ty TNHH Quản lý quỹ Mirae Asset (Việt Nam) | Việt Nam | 4.409.000.000 | 8.82 | 4.409.000.000 | 8.82 |
| Ông Nguyễn Đức Mạnh | Việt Nam | 3.687.700.000 | 7.37 | 12.440.100.000 | 24.88 |
| Bà Nguyễn Thị Mai Phương | Việt Nam | 10.568.300.000 | 21.14 | - | - |
| Các cổ đông khác | Việt Nam | 13.695.000.000 | 27.39 | 15.510.900.000 | 31.02 |
| Cộng | | 50.000.000.000 | 100 | 50.000.000.000 | 100 |

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 40 Đường số 1, Khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 29 (31/12/2020: 24).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải biển trong và ngoài nước;
- Thực hiện các giao dịch đại lý: tàu biển, giao nhận vận tải đa phương thức;
- Môi giới hàng hải; Cung ứng tàu biển; Kinh doanh xuất nhập khẩu.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 3.631.878.973 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính năm 2021 không có lý do gì để Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ cho hoạt động của Công ty trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của ngân hàng phát sinh giao dịch;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 50 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 05 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 – 20 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 năm |

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số 40, Đường số 1, Khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến mua vật tư và chi phí sửa chữa tàu. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ từ 2 tháng đến 36 tháng vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm tài sản,...) được phân bổ 3 tháng;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ từ 2 năm đến 3 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.12. Doanh thu cung cấp dịch vụ, thu thập khác

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

3.14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí hoa hồng về môi giới dịch vụ vận tải biển.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

3.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ vận tải biển: 0%
- Dịch vụ cho thuê văn phòng: 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

36
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
VIỆT
NAM
TỰ
DO
DÂN
CHỦ
CHÃI
TR
C
R

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Tại ngày 31/12/2021 VND | Tại ngày 01/01/2021 VND |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt | 10.183.498 | 168.882.906 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 5.916.830.637 | 430.674.049 |
| Cộng | 5.927.014.135 | 599.556.955 |

4.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Tại ngày 31/12/2021 VND | Tại ngày 01/01/2021 VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty TNHH MTV Đóng Tàu Phà Rừng | 2.383.562.662 | - |
| Công ty TNHH Phát triển công nghệ Hàng hải Thảo Linh | 1.410.024.000 | - |
| Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng | 824.555.600 | - |
| Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ Thuật MTB | 251.941.690 | - |
| Công ty TNHH Cơ khí & TM Quỳnh Phát | 140.000.000 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 388.436.000 | 178.581.641 |
| Cộng | 5.398.519.952 | 178.581.641 |

4.3. Phải thu ngắn hạn khác

| | Tại ngày 31/12/2021 VND | | Tại ngày 01/01/2021 VND | |
|--------------------------------------|----------------------------|----------|----------------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Khoản bồi thường từ công ty bảo hiểm | 218.130.773 | - | 414.986.452 | - |
| Tiền ăn ngoại tệ tàu Sea Dream | 47.697.600 | - | 52.922.280 | - |
| Phải thu người lao động | - | - | 10.000.000 | - |
| Cộng | 265.828.373 | - | 477.908.732 | - |

4.4. Hàng tồn kho

Chủ yếu là dầu nhớt và phụ tùng thay thế phục vụ cho tàu biển.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ẬU

Địa chỉ: Số 40, Đường số 1, Khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc, thiết bị VND | Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND | Cộng VND |
|----------------------------|----------------------------------|--------------------------|---|------------------------|
| Nguyên giá: | | | | |
| Tại ngày 01/01/2021 | 2.190.873.689 | 40.826.894 | 177.360.679.860 | 179.592.380.443 |
| Thanh lý | - | (40.826.894) | - | (40.826.894) |
| Tại ngày 31/12/2021 | 2.190.873.689 | - | 177.360.679.860 | 179.551.553.549 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | | |
| Tại ngày 01/01/2021 | 201.560.371 | 40.826.894 | 170.312.437.592 | 170.554.824.857 |
| Khấu hao trong năm | 87.634.944 | - | 7.048.242.268 | 7.135.877.212 |
| Thanh lý | - | (40.826.894) | - | (40.826.894) |
| Tại ngày 31/12/2021 | 289.195.315 | - | 177.360.679.860 | 177.649.875.175 |
| Giá trị còn lại: | | | | |
| Tại ngày 01/01/2021 | 1.989.313.318 | - | 7.048.242.268 | 9.037.555.586 |
| Tại ngày 31/12/2021 | 1.901.678.374 | - | - | 1.901.678.374 |

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 177.360.679.860 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: Số 40, Đường số 1, Khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Là quyền sử dụng đất lâu dài tại Số 40, Đường số 1, Khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

4.7. Chi phí trả trước

| | Tại ngày 31/12/2021 VND | Tại ngày 01/01/2021 VND |
|---------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Ngắn hạn: | | |
| Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế | 540.798.316 | 389.858.750 |
| Dài hạn: | | |
| Chi phí sửa chữa tàu | 1.655.316.201 | 3.952.290.501 |
| Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế | 501.280.808 | 931.689.096 |
| Cộng | 2.156.597.009 | 4.883.979.597 |

4.8. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Tại ngày 31/12/2021 VND | | Tại ngày 01/01/2021 VND | |
|--|----------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Segero Enterprise | 131.239.920 | 131.239.920 | | |
| Golden orient Ship Management & Agencies, Inc | - | - | 24.861.872 | 24.861.872 |
| Shanghai Safe Shipping Agency Co., Ltd | - | - | 26.690.053 | 26.690.053 |
| Nantong Fareast Intl Shipping Agency Co., Ltd | - | - | 96.569.061 | 96.569.061 |
| Phải trả cho các đối tượng khác | 73.892.320 | 73.892.320 | 136.348.195 | 136.348.195 |
| Cộng | 205.132.240 | 205.132.240 | 284.469.181 | 284.469.181 |

4.9. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương còn phải trả cho một số thuyền viên.

4.10. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Tại ngày 31/12/2021 VND | Tại ngày 01/01/2021 VND |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí bảo hiểm tàu | 71.034.797 | 80.288.347 |
| Chi phí lãi vay (*) | 14.363.646.252 | 17.393.646.252 |
| Phải trả tiền dầu DO, dầu FO và tạm ứng | 699.414.494 | - |
| Cộng | 15.134.095.543 | 17.473.934.599 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: Số 40, Đường số 1, Khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(*) Là khoản lãi vay được gia hạn còn phải trả cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam từ các năm trước.

4.11. Phải trả ngắn hạn khác

| | Tại ngày 31/12/2021 VND | Tại ngày 01/01/2021 VND |
|-----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ | 2.360.524 | 93.117.360 |
| Phải trả cổ tức | 807.073.600 | 807.073.600 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 151.094.487 | 154.513.158 |
| Cộng | 960.528.611 | 1.054.704.118 |

4.12. Vốn chủ sở hữu**4.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu | | | |
|----------------------------|------------------------------------|----------------------|--|-----------------------|
| | Vốn góp của chủ sở hữu VND | Cổ phiếu quỹ VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Cộng VND |
| Tại ngày 01/01/2020 | 50.000.000.000 | (188.100.000) | (42.952.680.133) | 6.859.219.867 |
| Lỗi trong năm trước | - | - | (537.840.083) | (537.840.083) |
| Tại ngày 01/01/2021 | 50.000.000.000 | (188.100.000) | (43.490.520.216) | 6.321.379.784 |
| Lãi trong năm nay | - | - | 4.106.016.626 | 4.106.016.626 |
| Tại ngày 31/12/2021 | 50.000.000.000 | (188.100.000) | (39.384.503.590) | 10.427.396.410 |

4.12.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Tại ngày 31/12/2021 VND | Tại ngày 01/01/2021 VND |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam – CTCP | 13.230.000.000 | 13.230.000.000 |
| Tổng công ty Bảo Việt Nhân Thọ | 4.410.000.000 | 4.410.000.000 |
| Công ty TNHH Quản lý quỹ Mirae Asset (Việt Nam) | 4.409.000.000 | 4.409.000.000 |
| Ông Nguyễn Đức Mạnh | 3.687.700.000 | 12.440.100.000 |
| Bà Nguyễn Thị Mai Phương | 10.568.300.000 | - |
| Các cổ đông khác | 13.695.000.000 | 15.510.900.000 |
| Cộng | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: Số 40, Đường số 1, Khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12.3. Cổ phiếu**

| | Tại ngày 31/12/2021 | Tại ngày 01/01/2021 |
|---|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ) | (18.810) | (18.810) |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 4.981.190 | 4.981.190 |

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.12.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|--|-----------------|-----------------|
| Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu | 4.106.016.626 | (537.840.083) |
| Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm | 4.981.190 | 4.981.190 |
| Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu | 824 | (108) |

4.13. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

| | Tại ngày 31/12/2021 | Tại ngày 01/01/2021 |
|--------------------|------------------------|------------------------|
| Ngoại tệ các loại: | | |
| USD | 254.161,13 | 18.434,43 |

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Là doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển và cho thuê một phần trụ sở.

5.2. Giá vốn cung cấp dịch vụ

Là giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải biển và cho thuê trụ sở.

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|-----------------------|-------------------|-------------------|
| Lãi tiền gửi | 56.346 | 79.431 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 72.392.026 | 61.940.997 |
| Cộng | 72.448.372 | 62.020.428 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: Số 40, Đường số 1, Khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.4. Chi phí tài chính**

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|----------------------|-------------------|--------------------|
| Lãi tiền vay | - | 590.290.396 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 40.537.348 | 15.441.623 |
| Cộng | 40.537.348 | 605.732.019 |

5.5. Chi phí bán hàng

Là các khoản chi phí hoa hồng về môi giới dịch vụ vận tải biển.

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên | 1.591.946.000 | 1.187.872.104 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 18.442.327 | 49.637.233 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 87.634.944 | 87.634.944 |
| Thuế môn bài | 3.000.000 | 3.000.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 54.888.612 | 35.533.903 |
| Chi phí khác bằng tiền | 543.888.412 | 459.201.642 |
| Cộng | 2.299.800.295 | 1.822.879.826 |

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 2.809.744.583 | 2.572.321.608 |
| Chi phí nhân công | 6.707.160.281 | 6.042.219.931 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 7.135.877.212 | 8.955.668.940 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 6.640.993.699 | 7.658.876.822 |
| Chi phí khác bằng tiền | 1.899.531.699 | 1.263.580.572 |
| Cộng | 25.193.307.474 | 26.492.667.873 |

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu là cho thuê tàu vận tải biển và hoạt động hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan**

- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam – CTCP
- Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
- Bà Nguyễn Thị Mai Phương

Mối quan hệ

Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
 Nhân sự quản lý chủ chốt
 Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: Số 40, Đường số 1, Khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thù lao Hội đồng quản trị trong năm như sau:

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|--|-------------------|-----------------|
| Bà Phạm Thị Anh Thư – Chủ tịch HĐQT | 17.000.000 | - |
| Ông Đặng Hồng Trường – Thành viên HĐQT | 6.041.667 | - |
| Ông Trần Ngọc Sơn – Thành viên HĐQT | 14.500.000 | - |
| Ông Nguyễn Đức Mạnh – Thành viên HĐQT | 14.500.000 | - |
| Cộng | 52.041.667 | - |

Thu nhập của Ban Giám đốc trong năm như sau:

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|---|--------------------|--------------------|
| Ông Đặng Hồng Trường – Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/06/2021) | 168.456.002 | - |
| Ông Nguyễn Hữu Hoàn – Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/06/2021) | 157.723.000 | 332.600.000 |
| Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh – Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 07/07/2021) | 124.898.986 | - |
| Cộng | 451.077.988 | 332.600.000 |

8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|------------------------------------|-------------------|-----------------|
| Ông Nguyễn Minh Lộc – Trưởng ban | 14.500.000 | - |
| Ông Lê Thanh Phúc – Thành viên | 12.500.000 | - |
| Bà Nguyễn Phương Liên – Thành viên | 12.500.000 | - |
| Cộng | 39.500.000 | - |

9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn trung bình là 1 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi kỳ:

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|---|-----------------|-----------------|
| Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong năm | 21.818.182 | 43.636.364 |

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù đang tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Công ty đến 31 tháng 12 năm 2021 nhưng Công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: Số 40, Đường số 1, Khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ngoại trừ ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 như đã nêu, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2021 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

Phê duyệt



Đặng Hồng Trường
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2022

Người lập

Lê Thanh Hà
Kế toán trưởng

